

Số TT	Họ và tên		Nữ	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn		Ngoại ngữ		Thể dục			XLHL	CP	KP	ĐHK	XLHK
				1T	1T	1T	1T	M	1T	15'	1T	M	15'	1T					
1	Lê Việt	Anh	X	7.5	7.3	9.8	8	9	4.5	6	6.5	Đ	Đ	Đ	K			50	T
2	Đoàn Thị	Diệu	X	7	7.5	10	8.3	9	5.3	6	5.8	Đ	Đ	Đ	K			50	T
3	Nguyễn Công Kim	Dung	X	4.5	6.3	7	6.5	10	5.5	6	3.3	Đ	Đ	Đ	TB			48.5	T
4	Nguyễn Duy	Dương		4.5	7.3	6.3	7.8	8	5.5	6	6.5	Đ	Đ	Đ	TB			50	T
5	Huỳnh Minh	Đại		8.3	8.5	8.8	8.3	8	6.5	8	7	Đ	Đ	Đ	G	1	0	50	T
6	Phạm Trần Hồng	Gấm	X	4.5	6.3	4	8.3	9	5.8	6	7	Đ	Đ		TB			50	T
7	Lê Đình	Hiển		7.5	7.5	8.8	7.3	8	7.5	6	5.8	Đ	Đ	Đ	K			48.5	T
8	Vũ Đức	Hiếu		7.5	8.3	8	8.3	7	6	7	7.5	Đ	Đ	Đ	K			50	T
9	Lê Thị	Huệ	X	8.3	8	8.3	9	8	6.5	7	6	Đ	Đ	Đ	K			50	T
10	Nguyễn Thị Kim	Hương	X	6	6	9.5	9	9	5.8	6	4.3	Đ	Đ	Đ	TB			50	T
11	Nguyễn Thị	Hường	X	9	9	8.8	8.5	9	8	9	8.8	Đ	Đ	Đ	G			50	T
12	Lê Nguyễn Như	Khánh	X	6	7.8	7.8	8.3	10	7.3	7	7.3	Đ	Đ	Đ	K			50	T
13	Sử Thiện	Khánh		2.8	6	5.8	7.3	8	7.3	7	6.5	Đ	Đ	Đ	Y			50	T
14	Trần Quốc Hồng	Kông		9.5	9.3	9.5	7	7	6.8	7	6.8	Đ	Đ	Đ	G			50	T
15	Nguyễn Thị Bích	Liên	X	8.8	8.3	9	9.3	9	6.8	8	7	Đ	Đ	Đ	G			50	T
16	Võ Hoàng Phương	Liên	X	7.5	5.5	9.5	9	8	7.5	7	5.8	Đ	Đ	Đ	K			48	T
17	Cao Nguyễn Thành	Long		6.5	7.3	7.3	7.3	8	7.5	5	7.8	Đ	Đ	Đ	K	0	1	48.5	T
18	Đỗ Hoàng	Luân		7.5	7.3	5	5.8	7	5	6	7.8	Đ	Đ	Đ	TB			50	T
19	Nguyễn Phan Hồng	Minh		5.8	7.8	4.8	6	8	6	7	7.8	Đ	Đ	Đ	TB			50	T
20	Nguyễn Lương Kim	Ngân	X	8	8	8.3	9.3	10	7	7	8.8	Đ	Đ	Đ	G			50	T
21	Phan Thị Bích	Ngọc	X	6.8	8.3	7.5	7.8	10	7	8	8.8	Đ	Đ	Đ	K			50	T
22	Phạm Thị	Nhi	X	6.8	6.5	9.8	8.3	8	7	7	6	Đ	Đ	Đ	K			50	T
23	Huỳnh Thị Mỹ	Nhung	X	5.8	8.3	9	9	9	7.5	6	6	Đ	Đ	Đ	K			50	T
24	Lê Bích	Phương	X	6	7.3	9.5	6.3	8	5.3	3	4	Đ	Đ	Đ	TB			50	T
25	Nguyễn Thị Bích	Phượng	X	6.5	7	6.8	7.5	9	5.8	9	8.5	Đ	Đ		K			50	T
26	Hoàng Minh	Quân		5.8	6.5	6.3	5.8	7	5	9	8.3	Đ	Đ	Đ	TB			50	T
27	Lê Minh	Quý		8.5	8.3	8.5	8.3	8	6.5	6	5.5	Đ	Đ	Đ	K			50	T
28	Nguyễn Thị Minh	Thảo	X	8.5	7.8	9.5	8.8	8	6.5	8	8.3	Đ	Đ	Đ	G			50	T
29	Huỳnh Anh	Thắng		9.3	9	10	8	9	5.5	6	7	Đ	Đ	Đ	G			50	T
30	Nguyễn Thiện	Thiên		8.3	9	9	7.3	8	5	8	8.3	Đ	Đ	Đ	K			48.5	T

31	Nguyễn Thị	Thúy	X	8.3	9	7.8	7.8	8	6	7	6.8	Đ	Đ	Đ	K			50	T
32	Dương Thị Huyền	Trang	X	6.8	7.8	6.8	8.5	10	5	7	5.5	Đ	Đ	Đ	K			50	T
33	Võ Thị Huyền	Trân	X	7.5	7.8	5.8	8.8	9	5.3	6	6.3	Đ	Đ	Đ	K			50	T
34	Đỗ Anh	Tuấn		7	7.8	9.3	8	8	6.5	6	5.5	Đ	Đ	Đ	K			50	T
35	Lê Thị Mộng	Tuyền	X	8	9	10	8.5	9	6.5	5	8	Đ	Đ	Đ	G			50	T
36	Trần Tường	Vi	X	9.5	9.8	10	9	9	7.5	8	8.3	Đ	Đ	Đ	G			50	T
37	Phạm Thanh	Vĩnh		7.5	8	7.8	8.5	7	6	5	6.5	Đ	Đ	Đ	K			50	T
38	Phạm Thị Tường	Vy	X	8.5	8.3	8	8.5	9	7.5	8	6.5	Đ	Đ	Đ	G			50	T
39	Nguyễn Trương Quỳnh Như	Ý	X	8	8.5	10	8.8	10	6.5	7	7.3	Đ	Đ	Đ	G			50	T

Bình Tân, ngày 21 tháng 10 năm 2016

Hiệu Trưởng

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Hương

